

Số: 355/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 3 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Phương án giá vé vận tải hành khách công cộng  
bằng xe buýt đối với các tuyến nội tỉnh, giai đoạn 2016 - 2025**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.

Căn cứ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của UBND tỉnh ban hành Định mức chi tiết kinh tế - kỹ thuật - lao động áp dụng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 61/2016/QĐ-UBND ngày 16/02/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, phương tiện vận tải và hỗ trợ giá vé vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, giai đoạn 2016 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đặt hàng Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi

thực hiện cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đối với các tuyến nội tỉnh và nội đô trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016 - 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 21/TTr-SGTVT ngày 23/02/2017 và đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 245/STC-QLGCS ngày 14/2/2017,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Phương án giá vé vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đối với các tuyến nội tỉnh, giai đoạn 2016 - 2025, như sau:

1. Tuyến thành phố Quảng Ngãi - Dung Quất: Số hiệu tuyến 01, cự ly 51 km, giá vé chia làm 03 loại theo chặng, cụ thể:

- Chặng 1: 7.000 đồng/vé/hành khách (sau đây viết tắt là đồng/vé/hk) đi đến  $\frac{1}{3}$  tuyến đường.

- Chặng 2: 13.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{1}{3}$  tuyến đến  $\frac{2}{3}$  tuyến đường.

- Chặng 3: 18.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{2}{3}$  tuyến đến hết tuyến đường.

2. Tuyến thành phố Quảng Ngãi - Sa Huỳnh: Số hiệu tuyến 02, cự ly 70 km, giá vé chia làm 04 loại theo chặng, cụ thể:

- Chặng 1: 7.000 đồng/vé/hk đi đến  $\frac{1}{4}$  tuyến đường.

- Chặng 2: 14.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{1}{4}$  tuyến đến  $\frac{1}{2}$  tuyến đường.

- Chặng 3: 20.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{1}{2}$  tuyến đến trên  $\frac{3}{4}$  tuyến đường.

- Chặng 4: 24.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{3}{4}$  tuyến đến hết tuyến đường.

3. Tuyến thành phố Quảng Ngãi - Sa Kỳ: Số hiệu tuyến 03, cự ly 26 km, giá vé chia làm 04 loại theo chặng, cụ thể:

- Chặng 1: 5.000 đồng/vé/hk đi đến  $\frac{1}{4}$  tuyến đường.

- Chặng 2: 7.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{1}{4}$  tuyến đến  $\frac{1}{2}$  tuyến đường.

- Chặng 3: 10.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{1}{2}$  tuyến đến trên  $\frac{3}{4}$  tuyến đường.

- Chặng 4: 13.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{3}{4}$  tuyến đến hết tuyến đường.

4. Tuyến thành phố Quảng Ngãi - Ba Tư - Ba Vì: Số hiệu tuyến 04, cự ly 80 km, giá vé chia làm 05 loại theo chặng, cụ thể:

- Chặng 1: 7.000 đồng/vé/hk đi đến  $\frac{1}{5}$  tuyến đường.
- Chặng 2: 13.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{1}{5}$  tuyến đến  $\frac{2}{5}$  tuyến đường.
- Chặng 3: 19.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{2}{5}$  tuyến đến  $\frac{3}{5}$  tuyến đường.
- Chặng 4: 26.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{3}{5}$  tuyến đến  $\frac{4}{5}$  tuyến đường.
- Chặng 5: 33.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{4}{5}$  tuyến đến hết tuyến đường.

5. Tuyến thành phố Quảng Ngãi - Khu đô thị Vạn Tường: Số hiệu tuyến 05, cự ly 45 km, giá vé chia làm 03 loại theo chặng, cụ thể:

- Chặng 1: 7.000 đồng/vé/hk đi đến  $\frac{1}{3}$  tuyến đường.
- Chặng 2: 13.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{1}{3}$  tuyến đến  $\frac{2}{3}$  tuyến đường.
- Chặng 3: 17.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{2}{3}$  tuyến đến hết tuyến đường.

6. Tuyến thành phố Quảng Ngãi - Minh Long: Số hiệu tuyến 06, cự ly 36 km, giá vé chia làm 03 loại theo chặng, cụ thể:

- Chặng 1: 7.000 đồng/vé/hk đi đến  $\frac{1}{3}$  tuyến đường.
- Chặng 2: 11.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{1}{3}$  tuyến đến  $\frac{2}{3}$  tuyến đường.
- Chặng 3: 16.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{2}{3}$  tuyến đến hết tuyến đường.

7. Tuyến thành phố Quảng Ngãi - Thạch Nham: Số hiệu tuyến 08, cự ly 25 km, giá vé chia làm 02 loại theo chặng, cụ thể:

- Chặng 1: 7.000 đồng/vé/hk đi đến  $\frac{1}{2}$  tuyến đường.
- Chặng 2: 14.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{1}{2}$  tuyến đến hết tuyến đường.

8. Tuyến thành phố Quảng Ngãi - Trà Bồng: Số hiệu tuyến 09, cự ly 52 km, giá vé chia làm 04 loại vé theo chặng, cụ thể:

- Chặng 1: 7.000 đồng/vé/hk đi đến  $\frac{1}{4}$  tuyến đường.
- Chặng 2: 13.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{1}{4}$  tuyến đến  $\frac{1}{2}$  tuyến đường.
- Chặng 3: 18.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{1}{2}$  tuyến đến  $\frac{3}{4}$  tuyến đường.
- Chặng 4: 24.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{3}{4}$  tuyến đến hết tuyến đường.

9. Tuyến thành phố Quảng Ngãi - Sơn Hà - Sơn Tây: Số hiệu tuyến 10, cự ly 80 km, giá vé chia làm 05 loại theo chặng, cụ thể:

- Chặng 1: 7.000 đồng/vé/hk đi đến  $\frac{1}{5}$  tuyến đường.
- Chặng 2: 13.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{1}{5}$  tuyến đến  $\frac{2}{5}$  tuyến đường.
- Chặng 3: 18.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{2}{5}$  tuyến đến  $\frac{3}{5}$  tuyến đường.
- Chặng 4: 24.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{3}{5}$  tuyến đến  $\frac{4}{5}$  tuyến đường.
- Chặng 5: 37.000 đồng/vé/hk đi trên  $\frac{4}{5}$  tuyến đến hết tuyến đường.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Giao thông vận tải**

a) Ký kết hợp đồng đặt hàng cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt với Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi theo đúng quy định tại Quyết định số 2231/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đặt hàng Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi thực hiện cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đối với các tuyến nội tỉnh và nội đô trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016 - 2025.

b) Định kỳ hàng năm lập dự toán kinh phí hỗ trợ giá vé trên một số tuyến theo theo Quyết định số 61/2016/QĐ-UBND ngày 05/12/2016 của UBND tỉnh ban hành quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, phương tiện vận tải và hỗ trợ giá vé vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, gửi Sở Tài chính thẩm tra, trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính xây dựng phương án, trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh giá vé vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt khi các yếu tố hình thành giá vé trên thị trường có sự biến động làm phát sinh tăng hoặc giảm chi phí từ 15% trở lên.

d) Phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi in ấn, phát hành mẫu vé xe buýt, niêm yết công khai giá vé xe buýt theo đúng quy định của pháp luật về giá, pháp luật về kinh doanh vận tải và pháp luật có liên quan khác.

2. Sở Tài chính: Hàng năm trên cơ sở dự toán kinh phí hỗ trợ giá vé xe buýt do Sở Giao thông vận tải lập, kiểm tra, tổng hợp trình UBND tỉnh phân bổ và thực hiện thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ giá vé vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Tài Chính; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và Thủ trưởng các sở, ngành, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Giao thông vận tải (b/cáo);
- Tổng cục Đường bộ Việt Nam;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- C.ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi;
- VPUB: TH, KT, CBTH;
- Lưu: VT, CNXD.npb.131.



KT. CHỦ TỊCH  
ĐẶNG VĂN MINH

**Đặng Văn Minh**